

**KẾ HOẠCH**  
**về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030**  
**trên địa bàn thành phố Huế**

Thực hiện Quyết định số 2227/QĐ-BKHHCN ngày 24/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026-2030 (sau đây viết tắt là Quyết định 2227/QĐ-BKHHCN), Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định 2227/QĐ-BKHHCN trên địa bàn thành phố với các nội dung sau:

**I. MỤC TIÊU****1. Mục tiêu tổng quát**

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế “2 con số”, là nền tảng bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thành phố Huế. Cơ chế, chính sách được hoàn thiện, phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và hạ tầng dữ liệu phát triển hiện đại, đồng bộ; nhân lực chất lượng cao được tăng cường trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược; từng bước làm chủ, phát triển và ứng dụng các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ. Hệ thống đổi mới sáng tạo cấp tỉnh được phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập; liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân được tăng cường; hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thúc đẩy; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh trong nước, từng bước vươn ra thị trường toàn cầu; phát triển các công nghệ mới phục vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%.

- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của thành phố đạt tối thiểu 50%.

- Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt tối thiểu 2% GRDP, trong đó nguồn ngoài ngân sách địa phương chiếm trên 60%. Bố trí ít nhất 2% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn

thời gian) đạt trên 12 người trên một vạn dân. Tăng tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược lên 25%. Thu hút 100 lượt trí thức Việt Nam ở nước ngoài tiêu biểu trên các lĩnh vực tham gia trao đổi học giả, hợp tác nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia công nghệ trên địa bàn thành phố thông qua các hình thức làm việc linh hoạt.

- Có tối thiểu 1-2 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng trong nước và khu vực. Phát triển được 1 tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập thành những tổ chức xuất sắc, nằm trong nhóm 50% tổ chức được xếp hạng cao nhất (trong đó có tổ chức nằm trong nhóm 30%) theo đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín như SCImago Institutions Rankings (SIR) hoặc tương đương.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế có địa chỉ tại thành phố Huế tăng bình quân 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân 16% - 18%/năm. Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8% - 10% số văn bằng bảo hộ được cấp.

- Hình thành 01 trung tâm đổi mới sáng tạo đáp ứng tiêu chí hiện hành.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) thuộc nhóm 10 toàn quốc.

- Hỗ trợ về tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cung cấp thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, tiếp cận chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho tối thiểu 50 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và 300 doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ.

- Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trung bình của thế giới. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

- Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa đạt tối thiểu 30%.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

a) Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi chính sách

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc thù lao động sáng tạo, nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; khả thi trong triển khai; hiệu quả đo lường được bằng kết quả cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất và đổi mới sáng tạo; dẫn dắt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số”.

- Tháo gỡ rào cản, khơi thông hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ lõi và thương mại hóa; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chuyên gia công nghệ nội sinh; tăng cường tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Đòi mới cơ chế thực hiện và tái cấu trúc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với các bài toán lớn và công nghệ chiến lược. Khuyến khích thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chuyển sang cơ chế hậu kiểm; xây dựng tiêu chí đánh giá đầu ra và tác động. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với phân bổ ngân sách, xếp hạng tổ chức và trách nhiệm giải trình.

- Tiêu chí xác định chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 theo Phụ lục I.

- Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030 theo Phụ lục II.

c) Phát triển môi trường thử nghiệm, hoàn thiện cơ chế tạo cầu thị trường khoa học và công nghệ: Xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để thử nghiệm công nghệ, sản phẩm và mô hình kinh doanh mới, ưu tiên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, tài sản số, thiết bị bay không người lái, công nghệ y dược và công nghệ sinh học, dược liệu, y tế chuyên sâu, di sản số, du lịch thông minh, công nghệ môi trường đầm phá ven biển, công nghệ văn hóa sáng tạo, dữ liệu đô thị di sản và ứng dụng AI trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản, mô hình hóa thông tin công trình di sản (HBIM), bản sao số, vật lý số, VR, XR, công tác bảo tồn, số hóa, truyền dạy và quảng bá các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống,....

d) Phát triển hệ thống dữ liệu và chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất.

## **2. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách địa phương**

a) Định hướng cơ cấu chi, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc phân bổ

- Tập trung bố trí ngân sách địa phương chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược, bảo đảm tối thiểu 15% trong tổng chi sự nghiệp khoa học.

- Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu thực tiễn. Đồng thời bảo đảm đầu tư đúng tâm cho nghiên cứu cơ bản, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng; đồng thời khuyến khích đổi mới quản trị và quy trình, thử nghiệm công nghệ, tăng cường đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp dùng công nghệ mới qua hình thức phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

- Triển khai việc đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các bài toán lớn, gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, lĩnh vực và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với công nghệ chiến lược; các chương trình, dự án quy mô lớn, có sản phẩm cụ thể, địa chỉ ứng dụng và sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường; giao trực tiếp đối với nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ công nghệ chiến lược; đặt hàng có doanh nghiệp cùng tài trợ đối với nhiệm vụ ứng dụng.

b) Thực hiện mô hình “ngân sách địa phương dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư”:

- Ngân sách địa phương tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm đổi mới sáng tạo địa phương, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện đầu tư theo sản phẩm, cùng đầu tư với doanh nghiệp, gắn với khả năng thương mại hóa. Áp dụng linh hoạt các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; tăng cường giám sát, đánh giá theo kết quả và tác động thực tiễn.

- Khuyến khích hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, địa phương nhằm tăng kinh phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật; tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường.

- Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, chương trình mục tiêu, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác.

### **3. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

a) Phát triển hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm và tính toán dùng chung

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng cho các lĩnh vực công nghệ có nhu cầu cấp thiết và khả năng lan tỏa lớn, trọng tâm là các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng nghiên cứu và hạ tầng số thành phố, gồm hệ thống phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ đạt chuẩn quốc tế và trung tâm dữ liệu thành phố Huế, trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo tại Khu công nghệ cao.

b) Phát triển hạ tầng thông tin, dữ liệu, thống kê và hạ tầng chất lượng thành phố

- Đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng số phục vụ thiết kế, mô phỏng, thử nghiệm và sản xuất thử sản phẩm công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ số trọng điểm; xây dựng các nền tảng dữ liệu, tính toán và môi trường dùng chung cho viện, trường, doanh nghiệp. Thiết lập cơ chế kết nối, liên thông, chia sẻ và chuẩn hóa dữ liệu; xây dựng nền tảng số quản lý nhiệm vụ, kết nối dữ liệu nghiên cứu giữa các chủ thể trong hệ thống.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hiện đại, số hóa và kết nối. Hình thành mạng lưới hỗ trợ năng suất, chất lượng liên thông trung ương - địa phương; xây dựng hạ tầng số, hệ thống dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm kết nối và chia sẻ. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật trong giám sát, cảnh báo rủi ro, quản lý hậu kiểm; phát triển nền tảng dữ liệu, công cụ, mạng lưới chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

c) Phát triển hạ tầng đổi mới sáng tạo gắn với ngành, vùng, địa phương

- Triển khai các dự án hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số và sản phẩm công nghệ số trọng điểm; ưu tiên xây dựng khu, trung tâm quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt tại các vùng kinh tế trọng điểm. Khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường tham gia đầu tư, vận hành theo hướng dùng chung, kết nối, phục vụ hiệu quả nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ.

- Khuyến khích phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển tại các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; cơ sở ươm tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia công nghệ và không gian đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế ngành, vùng, địa phương, chuỗi giá trị doanh nghiệp. Hình thành và phát triển các cụm liên kết trí tuệ nhân tạo tại khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và trung tâm đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hợp tác, dùng chung hạ tầng giữa doanh nghiệp, viện, trường.

- Ưu tiên nâng cấp hạ tầng đổi mới sáng tạo gắn với sản phẩm chủ lực, logistics, cửa khẩu số, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, công nghệ biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch thông minh và dịch vụ giá trị gia tăng; không đầu tư trùng lặp với hạ tầng quốc gia, hạ tầng vùng.

#### **4. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

a) Thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả nhân lực chất lượng cao

Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả kiến trúc sư trưởng, chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chiến lược

Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở nước ngoài bằng ngân sách thành phố; tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu dự án trọng điểm, ưu tiên đào tạo chuyên sâu, tiến sĩ, kỹ sư và chuyên gia công nghệ trong và ngoài

nước. Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng (quản lý, nghiên cứu - triển khai, ứng dụng), phù hợp yêu cầu từng lĩnh vực, ưu tiên công nghệ chiến lược.

c) Tăng cường lưu chuyển tri thức và phát triển kỹ năng đổi mới sáng tạo

- Thúc đẩy dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, giữa viện, trường và doanh nghiệp thông qua cơ chế luân chuyển, biệt phái cán bộ; phát triển kỹ năng quản trị công nghệ, dữ liệu và thương mại hóa; áp dụng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ và chia sẻ lợi ích gắn với hiệu quả thực hiện và nhu cầu doanh nghiệp.

- Phát triển năng lực quản trị tài sản trí tuệ, chuỗi giá trị công nghệ, chuẩn hóa, thử nghiệm, chứng nhận, an toàn công nghệ và quản trị rủi ro công nghệ cho đội ngũ thực thi chính sách ở Trung ương và địa phương.

## **5. Nâng cao năng lực làm chủ và phát triển các công nghệ chiến lược địa phương.**

a) Hoàn thiện danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược

Hoàn thiện danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo hướng tinh gọn, bám sát nhu cầu phát triển, năng lực cạnh tranh, lợi thế ngành và khả năng hình thành chuỗi giá trị, thị trường. Tập trung theo hai nhóm: (i) Nhóm công nghệ đã có thị trường và tác động trực tiếp đến kinh tế: Doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt đầu tư; Nhà nước hỗ trợ, tạo thị trường thông qua mua sắm công và chính sách phù hợp; viện, trường tham gia nghiên cứu, phát triển và đào tạo nhân lực. (ii) Nhóm các công nghệ tạo động lực tăng trưởng mới, công nghệ nền tảng cho tương lai, công nghệ bảo đảm tự chủ trong quốc phòng, an ninh: Nhà nước chủ động đầu tư, đặt hàng và dẫn dắt; viện, trường, doanh nghiệp phối hợp triển khai.

b) Triển khai các nhiệm vụ, dự án theo chuỗi giá trị

- Tập trung nguồn lực địa phương để nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ chiến lược theo chuỗi từ nghiên cứu đến thương mại hóa và mở rộng quy mô; ưu tiên các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, vật liệu tiên tiến, năng lượng sạch, robot và tự động hóa thông minh, y dược và công nghệ sinh học, dược liệu, y tế chuyên sâu, di sản số, du lịch thông minh, công nghệ môi trường đầm phá ven biển, công nghệ văn hóa sáng tạo, dữ liệu đô thị di sản và ứng dụng AI trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản, mô hình hóa thông tin công trình di sản (HBIM), bản sao số, vật lý số, VR, XR, công tác bảo tồn, số hóa, truyền dạy và quảng bá các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống,....

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp mua thiết kế, sáng chế, phần mềm và công cụ kiểm thử để giải mã, làm chủ và cải tiến công nghệ chiến lược, công nghệ số phù hợp điều kiện thành phố Huế.

## **6. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo**

a) Phát triển doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo

- Tăng cường hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp thông qua các loại hình nhiệm vụ, hoạt động đổi mới sáng tạo và văn hóa đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh mô hình hợp tác “ba nhà” trong phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt và cùng đầu tư với Nhà nước theo tỷ lệ phù hợp, tùy thuộc vào độ phức tạp của công nghệ; gắn với kế hoạch thương mại hóa, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà nước hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm trong mua sắm công khi đáp ứng tiêu chí về sở hữu trí tuệ, nội địa hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Khuyến khích thành lập và vận hành các quỹ, cơ chế cùng đầu tư và chia sẻ lợi ích giữa viện, trường, doanh nghiệp và nhà đầu tư. Gắn nghiên cứu với doanh nghiệp, lấy tỷ lệ thương mại hóa và giá trị thị trường làm thước đo hiệu quả.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ công cụ đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp; triển khai đánh giá, xây dựng bản đồ và lộ trình đổi mới công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, giải mã và làm chủ công nghệ.

b) Thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ phát triển thị trường giao dịch sở hữu trí tuệ thông qua hoàn thiện công cụ, hướng dẫn khai thác thương mại, đặc biệt với tài sản trí tuệ hình thành từ ngân sách địa phương; hỗ trợ định giá, nâng cao năng lực quản trị, thương mại hóa tài sản trí tuệ, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ xanh và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Phát triển tổ chức trung gian chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và đội ngũ môi giới, tư vấn, định giá; thúc đẩy thương mại hóa sáng chế và kết nối thị trường. Hình thành mạng lưới trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Tạo cầu thị trường cho công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai cơ chế đặt hàng gắn với bài toán lớn, cùng tài trợ, đánh giá theo kết quả đầu ra; ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong khu vực nhà nước khi đáp ứng tiêu chuẩn. Rà soát, tháo gỡ vướng mắc về tiêu chuẩn, quy chuẩn và năng lực thử nghiệm, kiểm định để thúc đẩy sử dụng sản phẩm trong nước từ kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ giải quyết các bài toán phát triển; thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp, viện, trường, các chủ thể liên quan, nâng cao năng lực đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

- Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo từ xã, phường đến thành phố gắn với chuỗi giá trị và cụm ngành; phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo đóng vai trò dẫn dắt, phù hợp điều kiện từng địa phương.

## **7. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Thúc đẩy ngoại giao khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mở rộng hợp tác phục vụ địa phương và doanh nghiệp:

- Tổ chức hợp tác quốc tế theo hướng tiếp thu, làm chủ và cùng phát triển công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp, viện, trường tham gia mạng lưới nghiên cứu và chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao năng lực hấp thụ và thương mại hóa. Tăng cường tham gia định hình tiêu chuẩn, quy tắc quốc tế; phát huy hiệu quả mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài.

- Triển khai các dự án, chương trình liên quan đến các công nghệ chiến lược theo mô hình hợp tác “ba nhà”, huy động các chuyên gia, các nhà khoa học, kiến trúc sư trưởng trong nước, quốc tế tham gia trong quá trình nghiên cứu, phát triển.

- Xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu sản phẩm công nghệ số gắn với “Make in Viet Nam”; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch, hội chợ, triển lãm, kết nối chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, ký kết xuất khẩu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài; khuyến khích doanh nghiệp nhà nước sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, phòng thí nghiệm sở hữu công nghệ số lõi ở nước ngoài.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động cân đối, sử dụng kinh phí trong dự toán ngân sách địa phương đã được giao hằng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí xã hội hóa hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ việc triển khai kế hoạch hiệu quả, thiết thực.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Ban hành Kế hoạch triển khai hằng năm, chủ trì tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện về UBND thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Đề xuất các đề án, chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng tiêu chí quy định tại Phụ lục I, phù hợp với Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Phụ lục II của Kế hoạch này.

c) Chủ trì công tác tổ chức tài trợ, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên triển khai ngay do thành phố tài trợ, đặt hàng.

## **2. Sở Tài chính**

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định pháp luật.

## **3. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các phường, xã**

Căn cứ vào Kế hoạch này, chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm và hằng năm thuộc phạm vi quản lý, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, các chương trình, nhiệm vụ, danh mục dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ưu tiên gắn với mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, nhu cầu nguồn lực, cơ chế phối hợp và chế độ báo cáo.

Rà soát, sắp xếp, tích hợp, đề xuất các đề án, chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng tiêu chí quy định tại Phụ lục I, phù hợp với Khung các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Phụ lục II của Kế hoạch này.

Đề xuất nhu cầu ứng dụng công nghệ chiến lược trong lĩnh vực, địa bàn quản lý. Chủ động tham gia đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Kế hoạch.

## **4. Các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học đồng hành**

a) Chủ động nghiên cứu, phát triển làm chủ các sản phẩm công nghệ chiến lược; tham gia đăng ký xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật.

b) Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, thu hút nhà khoa học xuất sắc là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược.

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội toàn thành phố.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch của UBND thành phố, các Sở, ngành, địa phương chủ động gửi đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ KH&CN (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Đại học Huế;
- Các đơn vị được nêu tại Mục IV;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thùy Giang**

## Phụ lục I

### **TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số 343 /KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố)*

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí/Nhóm tiêu chí</b>
1	Giải quyết bài toán lớn của địa phương hoặc doanh nghiệp; phù hợp mục tiêu tăng trưởng, năng suất, tự chủ và an ninh quốc gia; phù hợp Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và các chiến lược ngành, lĩnh vực liên quan.
2	Có tác động lan tỏa mạnh đến tăng trưởng, năng suất, năng lực cạnh tranh, quản trị quốc gia, phát triển bền vững, khả năng chống chịu của nền kinh tế.
3	Có sản phẩm đầu ra rõ ràng, đo lường được, có địa chỉ ứng dụng, cơ quan tiếp nhận, lộ trình triển khai đến 2028 và 2030.
4	Có doanh nghiệp tham gia, cùng chủ trì, cùng tài trợ hoặc đối ứng; có cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa và thị trường (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
5	Có khả năng tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược; có đóng góp cho nội địa hóa, thay thế nhập khẩu hoặc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
6	Có khả năng ứng dụng, thương mại hóa, mở rộng quy mô, tạo ngành, tạo thị trường hoặc nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực, địa phương (đối với chương trình trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ).
7	Có tính liên ngành, liên vùng; có thể sử dụng chung hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, phòng thí nghiệm hoặc hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
8	Có tính khả thi cao về nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và quản trị rủi ro; có mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đánh giá gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, bảo đảm đánh giá được kết quả, hiệu quả, tác động.
9	Không trùng lặp với chương trình, nhiệm vụ, dự án đã có; không vượt quá phạm vi, thẩm quyền hoặc giai đoạn 2026 - 2030 nếu chưa được phân kỳ rõ ràng.
10	Ưu tiên đối với chương trình, nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến TFP, xuất khẩu công nghệ cao, năng suất doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hình thành doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt.

**Phụ lục II**  
**KHUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**  
**GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số 343 /KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố)*

<b>TT</b>	<b>Nhóm chương trình, nhiệm vụ</b>	<b>Nội dung trọng tâm</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Sản phẩm</b>
1	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển nghiên cứu cơ bản	Kết hợp tìm kiếm tri thức mới với đào tạo nhân lực trình độ cao, phát hiện nhân tài; tạo nền tảng cho việc tiếp thu, làm chủ và phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và công nghệ số; cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.	Đại học Huế	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2027	Chương trình được UBND thành phố ban hành; tối thiểu có 1-2 nhiệm vụ được phê duyệt/năm
2	Các chương trình đổi mới sáng tạo					
a)	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã đổi mới công nghệ, đổi mới dây chuyền, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, nâng cấp sản xuất, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng nội địa hóa và tham gia chuỗi cung ứng, ưu tiên dự án có vốn đối ứng;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2030	Tối thiểu có 3-5 doanh nghiệp được hỗ trợ/năm

b)	Chương trình phát triển tài sản trí tuệ.	Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã thúc đẩy khai thác, định giá, thương mại hóa tài sản trí tuệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2030	Tối thiểu có 1-2 doanh nghiệp được hỗ trợ/năm
c)	Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ.	Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã phát triển thị trường khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2030	Tối thiểu có 1-2 doanh nghiệp được hỗ trợ/năm
d)	Chương trình phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, các địa phương phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào doanh nghiệp công nghệ tăng trưởng nhanh, sản phẩm chiến lược và địa phương có khả năng trở thành cực đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2030	Tối thiểu có 1-2 doanh nghiệp được hỗ trợ/năm

3	Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương, doanh nghiệp	Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương gắn với lợi thế của địa phương và vùng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp gắn với nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp, tham gia tích cực trong việc giải quyết các nhiệm vụ công nghiệp chiến lược.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2030	Chương trình được UBND thành phố ban hành; tối thiểu có 1-2 nhiệm vụ được phê duyệt/năm
4	Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Phát triển nguồn nhân lực, tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm kỹ thuật, cơ sở thử nghiệm - kiểm định - đo lường - chất lượng và các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung, nền tảng số, hạ tầng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2030	Chương trình được UBND thành phố ban hành; tối thiểu có 1-2 nhiệm vụ được phê duyệt/năm

5	Các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ quốc phòng, an ninh	Phát triển toàn diện tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh.	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026-2030	Chương trình được UBND thành phố ban hành; tối thiểu có 1-2 nhiệm vụ được phê duyệt/năm
---	--	---	-------------------	---	-----------	---

**UBND THÀNH PHỐ HUẾ**